

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DANH SÁCH THI HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC
ĐỐI TƯỢNG: HỌC VIÊN HỌC VIÊN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 2021 - 2023
NGÀY GIỜ THI: 13 giờ ngày 14/5/2022
ĐỊA ĐIỂM: Giảng đường 7A (Tòa nhà 15 tầng)

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
1	127211001	Trịnh Bá Hùng Mạnh	Nam	28/9/1990	Đắk Lắk	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)		
2	127211002	Lâm Hồ Gia Phúc	Nam	29/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)		
3	127211004	Nguyễn Thành Trung	Nam	14/12/1989	Vĩnh Long	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)		
4	127211005	Trần Song Ngọc Châu	Nữ	25/4/1994	Thừa Thiên Huế	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)		
5	127211006	Nguyễn Linh Nhật Đăng	Nam	23/01/1994	Tiền Giang	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)		
6	127211010	Ngô Mỹ Nhung	Nữ	03/12/1995	Quảng Nam	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)		
7	127211015	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	17/02/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
8	127211017	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	08/02/1996	Cần Thơ	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
9	127211019	Trần Thái Hoàng	Nam	26/11/1996	Khánh Hòa	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
10	127211021	Đình Nhã Khoa	Nữ	03/8/1991	Tiền Giang	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
11	127211022	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	08/7/1994	Đồng Nai	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
12	127211023	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	30/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
13	127211024	Trương Thị Ngọc Nga	Nữ	18/7/1996	Đắk Lắk	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
14	127211026	Bùi Quang Phục	Nam	07/02/1992	Đắk Lắk	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
15	127211027	Lương Thị Mỹ Phụng	Nữ	20/10/1991	Đắk Nông	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
16	127211029	Lê Ngô Gia Thảo	Nữ	31/3/1993	Đồng Nai	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
17	127211033	Đặng Xuân Trường	Nam	20/7/1993	Thái Nguyên	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
18	127211034	Danh Bình An	Nam	09/02/1993	Kiên Giang	Gây mê hồi sức.		
19	127211035	Nguyễn Thanh Hiếu	Nam	28/7/1992	Thừa Thiên Huế	Gây mê hồi sức.		
20	127211037	Bùi Quốc Khánh	Nam	02/11/1992	Hải Phòng	Gây mê hồi sức.		
21	127211038	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	Nữ	22/4/1991	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức.		
22	127211044	Nguyễn Huyền Thoại	Nữ	27/9/1994	Trà Vinh	Gây mê hồi sức.		
23	127211045	Phan Quốc Thống	Nam	28/10/1996	Bình Định	Gây mê hồi sức.		
24	127211049	Huỳnh Quang Đạm	Nam	19/3/1995	Hậu Giang	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
25	127211050	Vũ Lê Thành Đạt	Nam	14/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
26	127211054	Ngô Nhật Hoa	Nam	27/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
27	127211055	Nguyễn Khánh Hưng	Nam	13/6/1991	Bình Thuận	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
28	127211056	Võ Khắc Huy	Nam	19/3/1993	Tây Ninh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
29	127211057	Nguyễn Minh Nhật	Nam	26/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
30	127211060	Trương Hoàng Yến Vy	Nữ	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
31	127211061	Trần Hoàng Hiếu	Nam	03/02/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Giải phẫu học)		
32	127211062	Lê Dương Hoàng Huy	Nam	31/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Hóa sinh)		
33	127211063	Kha Đắc Lượng	Nam	03/10/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Hóa sinh)		
34	127211064	Nguyễn Đức Chính	Nam	18/11/1993	Bình Định	Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học)		
35	127211065	Phạm Thị Hồng	Nữ	23/9/1991	Nam Định	Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học)		
36	127211066	Lê Nguyễn Uyên Phương	Nữ	19/3/1996	Cần Thơ	Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học)		
37	127211067	Nguyễn Như Hiền	Nữ	16/01/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Mô phôi)		
38	127211068	Đặng Thu Hương	Nữ	25/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
39	127211069	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	28/12/1993	Đồng Nai	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
40	127211070	Lâm Kiến Thành	Nam	25/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
41	127211071	Nguyễn Thị Kiều Tiên	Nữ	03/10/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
42	127211072	Đặng Nguyễn Hương Trinh	Nữ	23/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
43	127211076	Lê Huy Minh Hoàng	Nam	24/4/1994	Cần Thơ	Ngoại khoa		
44	127211077	Phan Minh Hoàng	Nam	15/12/1995	Đồng Nai	Ngoại khoa		
45	127211079	Huỳnh Thanh Huỳnh	Nam	12/7/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa		
46	127211080	Huỳnh Văn Linh	Nam	04/11/1994	Trà Vinh	Ngoại khoa		
47	127211081	Hà Minh Lực	Nam	05/9/1996	Đồng Tháp	Ngoại khoa		
48	127211082	Phạm Quang Nhật	Nam	21/4/1994	Lâm Đồng	Ngoại khoa		
49	127211086	Trần Đông Thức	Nam	14/01/1994	Bến Tre	Ngoại khoa		
50	127211087	Nguyễn Trần Tín	Nam	06/11/1993	Bình Định	Ngoại khoa		
51	127211088	Trần Văn Toàn	Nam	20/11/1990	Quảng Nam	Ngoại khoa		
52	127211091	Mai Vũ Gia Bảo	Nam	16/7/1996	Bình Thuận	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
53	127211092	Phan Cảnh Đạt	Nam	10/01/1996	Bình Định	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
54	127211093	Nguyễn Sơn Hải	Nam	24/9/1995	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
55	127211094	Lâm Kiếm Hồng	Nam	12/5/1996	Kiên Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
56	127211095	Trịnh Minh Hùng	Nam	28/7/1991	Hải Phòng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
57	127211096	Nguyễn Văn Huỳnh	Nam	16/02/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
58	127211097	Nguyễn Mạnh Kha	Nam	24/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
59	127211098	Lê Minh Khoa	Nam	15/01/1994	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
60	127211100	Võ Văn Khoa	Nam	12/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
61	127211102	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	11/5/1993	Cần Thơ	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
62	127211103	Lê Hoàng Khôi Nguyên	Nam	07/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
63	127211104	Nguyễn Trần Hoàng Phú	Nam	26/6/1996	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
64	127211108	Đoàn Minh Thái	Nam	18/01/1996	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
65	127211110	Trần Đức Viễn	Nam	30/10/1995	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
66	127211113	Nguyễn Duy	Nam	09/6/1992	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
67	127211115	Phạm Văn Sỹ	Nam	01/01/1987	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
68	127211116	Phạm Đoàn Ngọc Tuấn	Nam	01/3/1996	Hậu Giang	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
69	127211117	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	26/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
70	127211123	Lư Quý Trang	Nữ	14/01/1994	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)		
71	127211125	Lương Minh Cường	Nam	12/12/1995	Kon Tum	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
72	127211126	Đàng Quốc Duận	Nam	03/11/1992	Ninh Thuận	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
73	127211129	Triệu Thị Thanh Hằng	Nữ	03/10/1994	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
74	127211130	Trương Văn Quang Hiến	Nam	13/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
75	127211132	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	14/12/1992	Bến Tre	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
76	127211133	Lê Tường Kha	Nam	20/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
77	127211135	Hồ Hoàng Vũ	Nam	01/6/1996	Hà Tĩnh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		

Ấn định danh sách ngày gồm 77 học viên

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Hiện diện:

Vắng mặt:

STT	Mã HV	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số tờ	Ký tên
-----	-------	--------	------	-----------	----------	--------------	-------	--------

ThS. Lê Thị Thanh Phương

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2